

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Vương Văn Mụm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1977; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Hồng B, sinh năm 1975; cư trú tại: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2024 và bản tự khai - nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông B là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 14-10-2019. Sau khi kết hôn, ông B về sinh sống cùng với bà tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An và vợ chồng cùng làm công nhân. Năm 2022, bà và ông B phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, ông B ham chơi, không chăm lo cho gia đình; bà có khuyên nhủ ông B nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, tháng 8-2023 ông B về nhà cha mẹ ruột tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hồng B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11-02-2025:

Ông và bà L là vợ chồng, chung sống với nhau vào năm 2019, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào tháng 10-2019. Sau khi kết hôn, ông về sinh sống cùng với gia đình bà L tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An khoảng 02 năm. Sau đó, ông về nhà em ruột tại ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Lê Hồng B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Lê Hồng B vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông B.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông B chung sống với nhau vào năm 2019, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 14-10-2019.

[2.1] Theo bà L trình bày thì quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, ông B không chăm lo cho gia đình, hiện không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2023 cho đến nay, nay bà L yêu cầu ly hôn với ông B.

[2.2] Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Bà L và ông B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Lê Hồng B. Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Hồng B.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012083 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng; bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Lê Thị L, ông Lê Hồng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã An Ninh Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Phương Yến